

Bản án số: 105/2023/DS-ST;

Ngày: 18-7-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu.

Ông Nguyễn Văn Trình.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

Ngày 18/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐST-DS ngày 13/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2023/QĐST-DS ngày 30/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Minh Th, sinh năm: 1958. Địa chỉ: tổ 13, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng. Đại diện theo ủy quyền: ông Mai Hữu K, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 11/5/2023. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1960. Địa chỉ: tổ 45, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện và bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Từ năm 2004, bà Lê Thị Minh Th và bà Nguyễn Thị T có làm ăn với nhau trong giao dịch môi giới nhà đất và là bạn. Trong quá trình làm việc cùng nhau, bà Nguyễn Thị T có mượn tiền của bà Lê Thị Minh Th để xử lý công việc cá nhân của bà T nhưng bà Lê Thị Minh Th cũng không biết là việc gì. Vì nề tình là bạn làm ăn với nhau nên bà Lê Thị Minh Th có cho bà T mượn một số tiền không T lãi với các mốc thời gian cho mượn như sau:

Ngày 24 tháng 04 năm 2006, bà T mượn 50.000.000 đồng có viết giấy tay. bà có hẹn một tháng sau sẽ trả nhưng chưa trả.

Ngày 19 tháng 04 năm 2007, bà T mượn 340.000.000 đồng có hẹn 10 ngày sau trả nhưng đến hạn vẫn chưa trả.

Ngày 25 tháng 04 năm 2007, bà T tiếp tục mượn bà Lê Thị Minh Th 45 triệu đồng và hẹn ngày 10 tháng 05 năm 2007 sẽ trả hết số nợ là 435.000.000 đồng.

Đến ngày 10 tháng 05 năm 2007, Bà T có đến trả cho bà Lê Thị Minh Th số tiền là 410.000.000 đồng; nhưng sau đó mượn lại bà Lê Thị Minh Th số tiền 125.000.000 đồng.

Như vậy, từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 5 năm 2007, bà T còn thiếu nợ bà Lê Thị Minh Th số tiền là 150.000.000 đồng. Từ đó đến nay, bà Lê Thị Minh Th đã nhiều lần đòi bà T trả lại bà Lê Thị Minh Th số tiền trên nhưng bà T lấy lý do hứa và khát chưa chịu trả. Đến nay đã qua 16 năm, bà T cố tình không chịu trả số tiền trên cho bà Lê Thị Minh Th.

Do đó, bà Th khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm tạm T từ ngày 10/6/2007 đến ngày 10/3/2023 là 235.305.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu thanh toán là: 385.305.000 đồng.

Tại Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà Lê Thị Minh Th đề nghị rút yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị T thanh toán tiền lãi theo lãi suất 10%/năm tạm T từ ngày 10/6/2007 đến ngày 10/3/2023 là 235.305.000 đồng.

**\* Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Trước đây, bà có mối quan hệ làm ăn với bà Lê Thị Minh Th và trong quá trình làm ăn, bà có vay mượn bà Th số tiền là 150.000.000 đồng như bà Th trình bày và theo các giấy mượn tiền là đúng. Bà đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên cho bà Th từ lâu nhưng do tin tưởng vào quan hệ với bà Th nên bà không lấy lại giấy mượn tiền. Đề nghị Tòa án xác minh, xem xét và giải quyết đúng quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Giữa nguyên đơn bà Lê Thị Minh Th và bị đơn bà Nguyễn Thị T có xác lập giao dịch vay tài sản là tiền thông qua Giấy mượn tiền. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc, không yêu cầu T lãi

nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26 BLTTDS, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về thẩm quyền: bị đơn bà Nguyễn Thị T có địa chỉ thường trú tại: tổ 45, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tp. Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tp. Đà Nẵng đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện

Tại Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Minh Th và đại diện theo ủy quyền của bà giữ nguyên đề nghị rút yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị T thanh toán tiền lãi theo lãi suất 10%/năm tạm T từ ngày 10/6/2007 đến ngày 10/3/2023 là 235.305.000 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu của bà là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận và căn cứ Điều 244 BLTTDS đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu T tiền lãi.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh Th đối với số tiền gốc 150.000.000 đồng

[5.1] Căn cứ giấy mượn tiền do bà Th xuất trình và bà Nguyễn Thị T đã xác nhận tại biên bản hòa giải, giữa bà Th và bà T có xác lập giao dịch vay mượn tài sản là tiền. Từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 5 năm 2007, bà T còn thiếu nợ bà Lê Thị Minh Th số tiền là 150.000.000 đồng. Điều này cũng được bà T thừa nhận. Xét thấy, việc giao dịch giữa các bên tiến hành nhiều lần và được thể hiện qua Giấy mượn tiền có chữ ký của bà Nguyễn Thị T, đồng thời bà cũng đã xác nhận. Xét thấy, các bên giao kết hợp đồng vay tiền trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng vay các bên đã giao kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 124 và 471 BLDS 2005 nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[5.2] Căn cứ giấy mượn tiền, giữa các bên không có thỏa thuận với nhau về tiền lãi và thời hạn trả nợ nên xác định đây là hợp đồng vay tiền không có thời hạn và không lãi suất. Khoản 1 Điều 477 BLDS 2005 quy định: *Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.* T từ thời điểm khởi kiện đến nay, bà Nguyễn Thị T vẫn không có thiện chí trả nợ cho bà Th nên xác định bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 474 BLDS 2005. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác định bà đã trả nợ nhưng do tin tưởng nên bà không lấy lại giấy mượn tiền. Đồng thời, bà cũng không có tài liệu, chứng cứ thể hiện bà đã trả nợ cho

bà Th. Bị đơn không xuất trình bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 BLTTDS.

[5.3] Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Th buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Th số tiền nợ là 150.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 124, 471, 474, 477 BLDS năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 244, 271, 272, 273 của BLTTDS;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh Th đối với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Minh Th số tiền đã vay là 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Lê Thị Minh Th có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Nguyễn Thị T phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Lê Thị Minh Th buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán số tiền lãi theo lãi suất 10%/năm.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị T phải chịu 7.500.000 đồng.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu TA,VP,HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hữu Hưng**